**BÀI 2: THƠ SÁU CHỮ, BẢY CHỮ**

**Văn bản 1: Nắng mới (Lưu Trọng Lư)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết, phân tích được một số yếu tố hình thức của bài thơ bảy chữ (số chữ ở mỗi dòng, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc,…) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nắng mới.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của thơ.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS biết xúc động trước tình cảm, niềm xúc thương khi nói về người mẹ.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi mở, yêu cầu HS trả lời: *Nhắc đến mẹ, em có những cảm nhận như thế nào?*

- HS trả lời câu hỏi, GV mời 2 -3 HS chia sẻ.

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học: *Mẹ - tiếng gọi thân thương trìu mến mà thiêng liêng. Nhạc sĩ nào đó đã từng viết “Riêng mặt trời chỉ có 1 mà thôi và mẹ em chỉ có 1 trên đời”. Mẹ là bầu sữa ngọt lành nuôi con khôn lớn, mẹ là ánh sáng của cuộc đời con. Nói về mẹ có rất nhiều nhà thơ viết hay, viết lạ thế nhưng với Lưu Trọng Lư ông đã có một cách tiếp cận mới. Hãy cùng tìm hiểu về tình cảm đó qua bài Nắng mới.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại thơ bảy chữ và văn bản Nắng mới.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức cho HS tìm hiểu tác giả, tác phẩm và đọc văn bản.  - GV đưa ra nhiệm vụ:    *+ Nêu những thông tin quan trọng về nhà thơ mà em biết qua việc tìm hiểu từ các nguồn tài liệu.*  *+ Nêu xuất xứ, hoàn cảnh sáng tác bài thơ Nắng mới.*  - GV hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ, gọi HS trả lời và các HS khác bổ sung ý kiến cho bạn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  - GV giới thiệu thêm:  + Ông là một trong những nhà thơ khởi xướng Phong trào Thơ mới và rất tích cực diễn thuyết bênh vực “Thơ mới” đả kích các nhà thơ “cũ”.  + Sau Cách mạng tháng Tám, ông tham gia Văn hoá cứu quốc ở Huế. Trong kháng chiến chống Pháp, ông hoạt động tuyên truyền, văn nghệ ở Bình Trị Thiên và Liên khu IV.  + Sau năm 1954, ông tiếp tục hoạt động văn học, nghệ thuật: hội viên Hội nhà văn Việt Nam từ năm 1957, đã từng làm Tổng thư ký Hội nghệ sỹ sân khấu Việt Nam.  + Năm 1991, ông mất tại Hà Nội. Ông đã được trao tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học nghệ thuật năm 2000.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV giải thích các từ ngữ, hình ảnh khó: *thiếu thời, giậu, nội, mường tượng.*  - GV gọi HS đọc bài thơ diễn cảm.  - GV yêu cầu HS quan sát và trả lời:  *+ Bài thơ được sáng tác theo thể thơ nào?*  *+ Phương thức biểu đạt nào được sử dụng bài thơ?*  *+ Bài thơ có thể phân thành bố cục mấy phần?*  *+ Bài thơ là lời của ai, bộc lộc cảm xúc về ai?*  *+ Nhan đề của bài thơ được đặt theo cách nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  => Ghi lên bảng. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả**  - Lưu Trọng Lư (19/6/1911–10/8/1991) là một nhà thơ, nhà văn, nhà soạn kịch Việt Nam.  - Quê quán: làng Cao Hạ, xã Hạ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.  **2. Tác phẩm:**  - Sáng tác: 1939.  - In trong tập thơ Tiếng thu.  **3. Đọc văn bản**  - Thể thơ: thơ bảy chữ.  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm, kết hợp miêu tả, tự sự.  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1 (khổ thơ đầu): bức tranh thiên nhiên “nắng mới”.  + Phần 2 (khổ 2, 3): nỗi nhớ của nhân vật trữ tình.  - Bài thơ là lời của chủ thể trữ tình “tôi”, bộc lộ cảm xúc, tâm tư tình cảm về người mẹ của mình.  - Nhan đề được đặt theo một mình ảnh khơi nguồn cảm hứng cho tác giả. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận theo cặp đôi, theo dõi bài thơ và trả lời câu hỏi:  *+ Bức tranh thiên nhiên được miêu tả thông qua hình ảnh nào? Qua đó thể hiện tâm trạng gì của tác giả?*  *+ Hình ảnh “nắng mới” được nhắc tới ngay phần mở đầu bài thơ nhằm mục đích gì?*  *+ Chỉ ra các từ láy và tác dụng của chúng trong việc thể hiện tâm trạng ấy.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận và trả lời vào bảng sau:  *+ Hãy tìm ba hình ảnh trong bài thơ có mối liên hệ chặt chẽ với nhau được tác giả sử dụng để khắc họa về người mẹ.*   |  |  | | --- | --- | | **Hình ảnh** | **Người mẹ** | |  |  | |  |  | |  |  |   *+ Qua những hình ảnh ấy, người mẹ hiện lên như thế nào trong nỗi nhớ của tác giả?*  *+ Có thể hoán đổi vị trí của hai động từ (hắt, reo) miêu tả hình ảnh “nắng mới” trong khổ thơ thứ nhất (Mỗi lần nắng mới hắt bên song) và thứ hai (Mỗi lần nắng mới reo ngoài nội) được không? Vì sao?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức: Hình ảnh người mẹ quá cố của nhà thơ từ đầu đến cuối chỉ được phác họa qua ba chi tiết: “nắng mới”, “áo đỏ” và “nét cười”, trong những giây phút xuất thần của thi sĩ Lư Trọng Lư, nó đã để lại một ấn tượng đẹp và sâu sắc về một hình ảnh rất đỗi thân quen về người mẹ tần tảo, chịu khó, thầm lặng hi sinh suốt cuộc đời.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận và trả lời câu hỏi:  *+ Nhận xét về cách sử dụng từ ngữ, ngắt nhịp, gieo vần và tác dụng của chúng trong bài thơ?*  *+ Nêu nội dung, ý nghĩa của văn bản.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Bức tranh thiên nhiên “nắng mới”**  - Nắng hắt bên song cửa, tiếng gà trưa gáy não nùng, xao xác.  → Lòng buồn rượi, kỉ niệm ùa về, đong đầy trong nỗi nhớ, khơi gợi lại hình ảnh trong quá khứ.  - Hình ảnh “nắng mới”: hình ảnh quen thuộc, như một sợi dây liên khúc, một nhịp cầu nối về quá khứ xa xưa, , soi rọi vào tiềm thức nhà thơ, gọi về những kỷ niệm xa xưa của một thời tươi đẹp.  - Các từ láy: xao xác, não nùng, chập chờn → bộc lộ rõ tâm trạng, tâm tư tình cảm của tác giả da diết, nhớ thương về người mẹ.  **2. Nỗi nhớ của nhân vật trữ tình**  - Hình ảnh “nắng mới”: cái nắng mỗi độ xuân về, khi mẹ tác giả thường mang áo ra phơi để áo thơm mùi nắng sau những ngày đông rét mướt. Cũng là nắng nhưng cái nắng của quá khứ không “hắt bên song” buồn bã mà tràn đầy sức sống, niềm vui “reo ngoài nội”.  - Hình ảnh “áo đỏ”: Hình ảnh người mẹ chưa hiện lên trực tiếp mà chỉ thấp thoáng, lung linh sau màu áo đỏ, sau lưng giậu.  → hình ảnh đẹp đẽ nhất, trìu mến thương yêu nhất mà nhà thơ còn lưu giữ, khắc sâu trong tâm trí.  - Hình ảnh “nét cười đen nhánh”: như một nốt lặng cuối bản nhạc để dư ba, dư vị của ý thơ còn lan tỏa mãi trong lòng người đọc.  => Đây là hình ảnh tượng trưng cho người phụ nữ Việt Nam thầm lặng hi sinh, yêu thương, chăm sóc chồng con suốt một đời.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Vần trong bài thơ được gieo theo vần chân (song – không, thời – phơi). Các dòng thơ được ngắt nhịp linh hoạt, đa dạng, phù hợp với tâm trạng của chủ thể trữ tình (nhịp 3/4, 4/3, 2/5).  - Bài thơ trải dài theo mạch cảm xúc, kết cấu đan xen giữa quá khứ và hiện tại như một hồi ức về người mẹ thân yêu của nhà thơ.  - Lời thơ viết giản dị, tự nhiên.  - Giọng thơ nhẹ nhàng, tha thiết.  - Sử dụng linh hoạt các biện pháp nghệ thuật.  **2. Nội dung**  - Văn bản nói về nỗi nhớ của chủ thể trữ tình đối với người mẹ của mình với những dòng hồi tưởng đẹp, đầy xúc động về mẹ. Qua đó, tác phẩm thể hiện giá trị đạo đức truyền thống uống nước nhớ nguồn, hiếu thuận của người Việt Nam. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Trong kí ức tuổi thơ của nhân vật “tôi” ở bài Nắng mới, người mẹ hiện lên qua những hình ảnh được lựa chọn, để lại ấn tượng sâu đậm cho tác giả. Với em, hình ảnh nào về người mẹ của mình khiến em thấy yêu thương nhất? Hãy chia sẻ bằng một đoạn văn (khoảng 8 – 10 dòng).*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**\*Đoạn văn tham khảo:**

Bài thơ Nắng mới của tác giả Lưu Trọng Lư đã mang tới cho em nhiều cảm xúc lắng đọng về tình mẫu tử, đặc biệt thông qua hình dáng mẹ và nét cười đen nhánh, rất đỗi quen thuộc. Còn đối với em, hình ảnh đầu tiên hiện lên trong tâm trí em mỗi khi nhớ về mẹ đó là đôi bàn tay gầy guộc, đầy vết chai sạn nhưng luôn thoăn thoắt làm mọi việc. Đôi bàn tay hằng ngày khám bệnh cho bệnh nhân, tối về lại phải chăm sóc gia đình, nấu những bữa cơm nóng hổi rồi về đêm khi ánh trăng tròn lên cao, đôi bàn tay ấy chưa được yên giấc, tiếp tục vỗ vỗ quạt quạt ru tôi chìm vào giấc ngủ. Mặc dù vất vả đến thế nhưng mẹ tôi chẳng than lấy một lời, mẹ quả thật là người cứng rắn, biết cam chịu một cách đáng khâm phục. Với tôi, mẹ như một làn mây che cho tôi mưa nắng, mẹ là ngọn lửa thôi thúc con tim tôi để vững bước trên đường đời. Dù mai này có ra sao thì mẹ sẽ vẫn mãi ở trong trái tim tôi.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Những kí úc thân thương về mẹ sống dậy trong tâm tưởng của nhà thơ từ hình dáng thấp thoáng sau chiếc “áo đỏ” đến “……………”.

A. Hình ảnh vẫn còn thương nhớ

B. Hình ảnh mà tôi vẫn luôn mường tượng

C. “Nét cười đen nhánh sau tay áo”

D. “Ánh trưa hè”

**Câu 2:** Màu đỏ của chiếc áo đã làm cho hình ảnh người mẹ phơi áo trở thành một điểm son trong………………của nhân vật “tôi”.

A. Khát khao cháy bỏng của tuổi trẻ

B. Những dự cảm mờ mịt về tương lai

C. Nỗi nhớ về tuổi thơ

D. Tất cả đáp án trên

**Câu 3:** Qua bài thơ, hình ảnh người mẹ hiện lên trong tâm tưởng nhà thơ như thế nào?

A. Có những điểm mạnh mẽ, tân tiến của người phụ nữ hiện đại

B. Có đầy đủ nét duyên dáng, hiền từ của người phụ nữ Việt Nam thuở xưa

C. Là một người phụ nữ lam lũ, khổ sở, nhưng tràn đầy niềm tin về cuộc sống

D. Tất cả đáp án trên

**Câu 4:** Cảm hứng chủ đảo của bài thơ thể hiện giá trị đạo đức truyền thống nào của người Việt Nam?

A. Lòng nhân đạo

B. Tình yêu thiên nhiên

C. Sự coi trọng những giá trị truyền thống

D. Tình cảm yêu thương gia đình

**Câu 5:** Những kí ức đẹp đẽ, thân thương nhất về người mẹ còn đọng lại trong tâm trí của một đứa trẻ lên mười nên cả không gian ấy trong cảm nhận của nhà thơ như thế nào?

A. Thật vui tươi, đầy sức sống “nắng mới reo ngoài nội”

B. Thật mênh mông, rực rỡ “nắng mới reo ngoài nội”

C. Thật ảm đạm, gợi nên cảm giác buồn, thương nhớ sâu sắc cho tác giả

D. Tất cả đáp án trên

- GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Đáp án: 1.C 2.C 3. B 4.D 5.D

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Văn bản 2: Nếu mai em về Chiêm Hóa**

**(Mai Liễu)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết, phân tích được một số yếu tố hình thức của bài thơ sáu chữ (số chữ ở mỗi dòng, vần, nhịp, từ ngữ, hình ảnh, bố cục, mạch cảm xúc,…) và tình cảm, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ.

- Hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Nếu mai em về Chiêm Hóa.*

- Năng lực nhận diện các yếu tố hình thức và nội dung của thơ.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS bồi dưỡng tình yêu thiên nhiên.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Hình ảnh liên quan đến lễ hội Lồng Tồng

- Phiếu học tập, trả lời câu hỏi

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS quan sát hình ảnh, video và trả lời câu hỏi: *Nêu những hiểu biết của em về lễ hội Lồng Tồng của người dân tộc Tày ở Chiêm Hóa – Tuyên Quang.*







Link video: <https://www.youtube.com/watch?v=i1Vixx9OO3A>

- HS trả lời câu hỏi, GV mời 2 -3 HS chia sẻ.

- GV nhận xét, đánh giá, dẫn dắt vào bài học: *Suốt cuộc đời cống hiến cho nền văn thơ, Mai Liễu là một trong những nhà thơ luôn dành mối quan tâm đặc biệt cho những đề tài về quê hương và tình người miền núi. Đối với ông “quê hương và tình người miền núi là niềm trăn trở, hối thúc tôi cầm bút và nó còn trở đi trở lại mãi trong cuộc đời cầm bút”. Và Nếu mai em về Chiêm Hóa là một trong những bài thơ tiêu biểu ông viết về quê hương, mảnh đất Chiêm Hóa - một huyện nằm ở phía bắc của tỉnh Tuyên Quang mà chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu và khám phá trong tiết học ngày hôm nay.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Giúp HS chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đọc hiểu văn bản, hướng dẫn đọc và rèn luyện các chiến thuật đọc.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi liên quan đến thể loại thơ bảy chữ và văn bản Nắng mới.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Từ phần chuẩn bị ở nhà, hãy trình bày những hiểu biết về tác giả Mai Liễu và bài thơ Nếu mai em về Chiêm Hóa.*    **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV bổ sung:  + Ông là nhà thơ dân tộc Tày, nổi tiếng với những vần thơ thấm đẫm tình yêu quê hương đất nước, đặc biệt là những vần thơ về đồng bào các dân tộc thiểu số vùng cao, biên giới.  + Thơ Mai Liễu khá phong phú về đề tài. Nhà thơ viết nhiều về Bác Hồ, về chiến tranh - người lính, về tình yêu, và gần đây viết nhiều về thế sự, nhưng đề tài mà ông quan tâm hơn cả và qua đó cũng bộc lộ “con người thơ” của mình nhiều hơn cả là quê hương và tình người miền núi.  + Trong cuộc đời sáng tác của mình, ông đã đã để lại cho đời nhiều tác phẩm có giá trị với hàng chục tập thơ đã xuất bản như: “Suối làng” (1994), “Mây vẫn bay về núi” (1995),“Núi vẫn còn mưa” (2013), tuyển tập “Thơ Mai Liễu”,…  **NV 2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc bài thơ diễn cảm, giọng đọc vui tươi, hứng khởi.  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Bài thơ được viết theo thể thơ nào?*  *+ Phương thức biểu đạt của bài thơ?*  *+ Bố cục của văn bản?*  *+ Xác định mạch cảm xúc của bài thơ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - -HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả (1949 – 2020)**  - Tên thật là Ma Văn Liễu.  - Quê tại xã Công Đa, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.  - Khi làm thơ, làm báo, ông lấy bút danh là Mai Liễu.  **2. Tác phẩm**  - Trích trong Thơ Mai Liễu, NXB Nhà văn, Hà Nội, năm 2015.  **2. Đọc văn bản**  - Thể thơ: thơ sáu chữ.  - Phương thức biểu đạt: biểu cảm kết hợp miêu tả, tự sự.  - Bố cục: 3 phần  + Phần 1 (khổ 1,2): Bức tranh thiên nhiên vào mùa xuân ở Chiêm Hóa.  + Phần 2 (khổ 3, 4): Vẻ đẹp con người trong mùa xuân.  + Phần 3 (khổ còn lại): nét riêng trong lễ hội đầu năm ở Chiêm Hóa.  - Mạch cảm xúc: cảm xúc, nỗi nhớ mà nhà thơ dành cho vùng đất Chiêm Hóa. |

**Hoạt động 2: Khám phá văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khổ 1,2,3,4 chia lớp thành các nhóm nhỏ 4-6 HS, trả lời câu hỏi:  + *Tác giả sử dụng những hình ảnh, chi tiết nào để thể hiện bức tranh thiên nhiên và con người trong mùa xuân?*  *+ Chia sẻ ấn tượng, nhận xét của em về bức tranh đó.*  *+ Chỉ ra và phân tích tác dụng của biện pháp tu từ nhân hóa được sử dụng trong khổ thơ 2,4.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV bổ sung: Bức tranh thiên nhiên và con người hiện ra với tông màu tươi sáng, tràn đầy sức sống của núi rừng khi mùa xuân về.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ cuối và trả lời câu hỏi:  *+ Nêu tác dụng của việc điệp lại câu thơ “Nếu mai em về Chiêm Hóa” trong khổ thơ cuối?*  *+ Theo em, có thể thay thế từ “về” trong dòng thơ “Nếu mai em về Chiêm Hóa” thành các từ khác không? Vì sao?*  *+ Khổ thơ cuối nhắc đến lễ hội nào? Nét đặc sắc riêng của lễ hội đó được thể hiện qua chi tiết nào?*  *+ Bài thơ thể hiện tình cảm, cảm xúc gì của tác giả với quê hương?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV bổ sung: Với lời thơ giản dị, giàu cảm xúc, “Nếu mai em về Chiêm Hóa” đã cho thấy tình yêu quê hương cùng mong muốn được về quê sâu sắc. Dù đi đâu thì được trở về quê hương cũng là điều hạnh phúc nhất. Nơi đó không chỉ là vùng đất nơi ta lớn lên mà còn có gia đình, có ba mẹ chờ đợi.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận và trả lời câu hỏi: *Nhận xét về đặc sắc nghệ thuật và sức cuốn hút của tác phẩm? Nêu nội dung, ý nghĩa của văn bản?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - Đại diện các nhóm trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **1. Bức tranh thiên nhiên và con người trong mùa xuân**  ***a. Bức tranh thiên nhiên***  - Mưa tơ rét lộc, mùa măng → khoảng thời gian thuận lợi cho sự hồi sinh của cây cỏ trong thời tiết mùa đông giá rét, đây là một trong  - Sông Gâm “đôi bờ cát trắng”, đá ngồi trông nhau, non Thần “xanh ngút ngát”  → Sông và núi được coi là cảnh vật chính ở miền núi.  - Việc sử dụng biện pháp tu từ nhân hóa khiến cảnh vật trở nên có hồn hơn:  + Sông Gâm với đôi bờ cát trắng với những tảng đá dài.  + Những tảng đá từ bờ này nhìn sang bờ kia như đang trông nhau.  + Những hòn núi nhìn như trẻ lại, khoác lên mình bộ quần áo màu xanh ngút.  → Khung cảnh thiên nhiên nên thơ, tươi mới, tạo nên một mùa xuân tràn đầy sức sống.  ***b. Vẻ đẹp con người trong mùa xuân***  - Xuất hiện hình ảnh những cô gái Dao, Tày (nơi đây hai dân tộc này chiếm phần đông):  + Những cô gái Dao duyên dáng, xúng xính trong những món trang sức bạc “*vòng bạc rung rinh, ngù hoa mơn mởn ngực đầy*”.  + Những cô gái Tày lại khiến người ta mê mẩn trong sắc chàm của bộ trang phục truyền thống cùng nụ cười tỏa nắng khiến người ta lạc quên lối về, *“nụ cười môi mọng”, “mùa xuân e cũng lạc đường”*.  → Hình ảnh con người được miêu tả đầy khéo léo và tinh tế đem lại cái nhìn chân thực về con người tại mảnh đất Chiêm Hóa.  **2. Lễ hội xuân ở vùng Chiêm Hóa**  - Câu thơ “Nếu mai em về Chiêm Hóa” được lặp lại 3 lần (tiêu đề, khổ thơ đầu tiên và khổ thơ cuối).  → Xuất hiện ở vị trí quan trọng chính tỏ rằng sự nhớ thương cũng như mong muốn trở về quê hương của tác giả rất mãnh liệt.  - Lễ hội Lồng Tồng ở Chiêm Hóa:  + Đầu xuân đi hội: lễ hội xuống đồng được tổ chức vào dịp đầu xuân.  + “Quả còn” : một trong những trò chơi của dân tộc miền núi trong ngày hội.  + “Ngày lành duyên tốt mừng nhau”: đây là thời điểm các cặp đôi trai tài gái sắc hội gộ, làm quen, cùng nhau đi hội.  → Mong muốn của tác giả: trở về quê để đi hội xuân, để chơi những trò chơi dân gian, để gặp mọi người, những người có duyên.  => Bài thơ đã thể hiện được tình cảm sâu sắc, da diết, đầy gắn bó cùng với tình yêu thương của nhà thơ đối với quê hương, nguồn cội của mình.  **III. Tổng kết**  **1. Nghệ thuật**  - Ngôn từ giản dị, lời thơ giàu cảm xúc.  - Sử dụng thành công biện pháp nghệ thuật giúp các hình ảnh được miêu tả trong bài trở nên sinh đồng, gần gũi.  - Bài thơ có mạch cảm xúc với kết cấu giản đơn, bình dị, đi từ khung cảnh thiên nhiên đến con người và những rung cảm, nét đặc sắc riêng về cảnh sắc khi bước sang xuân tại quê hương.  **2. Nội dung**  - Văn bản viết về quê hương, mảnh đất Chiêm Hóa - một huyện nằm ở phía bắc của tỉnh Tuyên Quang với những cảnh sắc khi mùa xuân về. Qua đó, bộc lộ tâm tư, tình cảm đầy yêu thương của nhà thơ đối với quê hương của mình. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Giả sử sau dấu ba chấm Nếu mai em về… là tên vùng đất quê hương em, thì em sẽ chia sẻ những hình ảnh, chi tiết nào của quê hương mình? Vì sao em lại chọn các chi tiết, hình ảnh ấy?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

***\*Dự kiến sản phẩm:***

- Nếu mai em về… là tên vùng đất quê hương em, thì em sẽ chia sẻ những hình ảnh cảnh vật vào mùa nước nổi.

- Em chọn hình ảnh đó là bởi đây là đặc trưng nhất cho vùng quê sông nước quê hương em. Vào mùa này, nước dâng lên hiền hòa, do đó người dân quê em gọi đó là mùa nước nổi. Mưa dần về, mưa từ ngày này sang ngày khác. Nước dần dâng lên. Do đó phương tiện đi lại chính ở quê em là những chiếc ghe. Em rất thích được ngồi trên ghe theo mẹ ra chợ và tha thẩn xuôi theo dòng nước. Em rất yêu mùa nước nổi với biết bao kỉ niệm đẹp của quê hương.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Em hãy sưu tầm các tài liệu (tranh, ảnh, video, các câu chuyện,…) về một lễ hội tại quê hương em.*

- GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành tiếng Việt trang 46**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS nhận biết được trợ từ, thán từ trong hoạt động đọc, viết, nói và nghe.

- Phân tích và chỉ ra tác dụng của trợ từ, thán từ trong các câu văn, đoạn văn.

- Biết cách xác định trợ từ, thán từ.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

- Năng lực vận dụng sử dụng trợ từ, thán từ trong nói và viết.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực xác định, phân tích tác dụng của trợ từ, thán từ.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS có ý thức vận dụng kiến thức vào giao tiếp và tạo lập văn bản.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS làm bài tập:

*Em hãy chỉ ra sự khác nhau của từ* ***xanh*** *được sử dụng trong những câu sau:*

*a. Trời thu* ***xanh*** *ngắt mấy tầng cao.*

*b. Một vùng cỏ mọc* ***xanh*** *rì.*

*c. Suối dài* ***xanh*** *mướt nương ngô.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, trả lời câu hỏi.

***\*Dự kiến sản phẩm:***

a. Xanh trên diện rộng.

b. Xanh đậm và đều như màu của cỏ.

c. Xanh tươi mỡ màng.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Như vậy, việc sử dụng một từ ngữ mang nhiều ý nghĩa khác nhau đã tạo nên sắc thái từ vô cùng đa dạng, phong phú. Tuy nhiên, việc sử dụng từ ngữ như thế nào phù hợp với văn cảnh của từng câu văn, nâng cao hiệu quả trong giao tiếp thì bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về Sắc thái nghĩa của từ ngữ.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Tìm hiểu về sắc thái nghĩa của từ**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách xác định sắc thái nghĩa của từ, cách sử dụng từ ngữ phù hợp với văn cảnh trong câu.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Dựa vào phần kiến thức ngữ văn và ví dụ trong bài tập phần Khởi động, em hãy nêu định nghĩa về sắc thái nghĩa của từ ngữ.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: *Tìm từ lạc trong dãy từ sau và đặt tên cho nhóm từ còn lại:*  *a. Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, thợ gặt, nhà nông, lão nông, nông dân.*  *b. Thợ điện, thợ cơ khí, thợ thủ công, thủ công nghiệp,thợ hàn, thợ mộc,thợ nề, thợ nguội.*  *c. Giáo viên, giảng viên, giáo sư, kĩ sư, nghiên cứu, nhà khoa học, nhà văn, nhà báo.*  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thực hiện nhiệm vụ.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Sắc thái nghĩa của từ ngữ**  - Sắc thái nghĩa là nét nghĩa bổ sung cho nghĩa cơ bản của từ ngữ.  - Các sắc thái nghĩa chủ yếu của từ ngữ gồm:  + Sắc thái miêu tả, ví dụ: các từ ghép như trắng tinh, trắng xóa đều chỉ màu trắng nhưng được phân biệt với nhau nhờ các yếu tố phụ (trắng tinh: rất trắng, thuần một màu, gây cảm giác rất sạch; trắng xóa: trắng đều khắp trên một diện rộng).  + Sắc thái biểu cảm, ví dụ: các từ thuần Việt như cha, mẹ, vợ,…thường có sắc thái thân mật; còn các từ Hán Việt đồng nghĩa như thân phụ, thân mẫu, phu nhân,…thường có sắc thái trang trọng.  a. Chỉ nông dân (từ lạc: thợ rèn)  b. Chỉ công nhân và người sản xuất thủ công nghiệp (từ lạc: thủ công nghiệp)  c. Chỉ giới trí thức (từ lạc: nghiên cứu ) |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm học tập:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc bài tập 1, 2. Chia lớp thành 6 nhóm.  + Nhóm 1,3,5: Bài tập 1  + Nhóm 2,4,6: Bài tập 2  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2:** **Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - Đại diện nhóm trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 3 (trang 47/SGK).  - GV hướng dẫn HS cách xác định nghĩa của các từ láy và tác dụng của chúng.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập 4 (trang 47/SGK).  - GV hướng dẫn HS cách xác định sác thái nghĩa của từ rượi buồn.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trả lời câu hỏi.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **Bài tập 1 (trang 46/SGK)**  - Từ đồng nghĩa với từ ngút ngát: ngút ngàn, bạt ngàn.  - Bài thơ sử dụng từ ngút ngát phù hợp trong ngữ cảnh này vì từ lột tả được màu sắc xanh trải dài, bất tận, vượt qua khỏi tầm mắt với mức độ cao nhất.  **Bài tập 2 (trang 47/SGK)**  - Các từ đồng nghĩa với từ đỏ: thắm, hồng, đỏ au.  - Sự khác nhau về sắc thái nghĩa:  + Thắm: chỉ màu đỏ đậm và tươi.  + Hồng: chỉ màu đỏ nhạt và tươi.  + Đỏ au: đỏ tươi, ửng đỏ một cách tươi nhuận.  - Những từ đó là những từ phù hợp nhất để miêu tả sự vật vì nó mang ý nghĩa, sắc thái liên quan đến sự vật đó.  **Bài tập 3 (trang 47/SGK)**  - Các từ láy trong khổ thơ:  + Xao xác: từ gợi tả tiếng như tiếng gà gáy,.. nối tiếp nhau làm xao động cảnh không gian vắng lặng.  + Não nùng: chỉ sự buồn đau tê tái và day dứt.  + Chập chờn: ở trạng thái khi ẩn khi hiện, khi tỏ khi mờ, khi rõ khi không.  - Tác dụng: giúp khơi gợi dòng hồi tưởng về mẹ của tác giả. Qua đó gợi lên kí ức về mẹ đầy gần gũi, thân thuộc,.  **Bài tập 4 (trang 47/SGK)**  - Trình bày thành một đoạn văn từ 5 – 7 dòng.  - Từ rượi buồn: mang ý nghĩa chỉ nỗi buồn, đầy ủ rũ với mức độ cao.  - Nếu thay từ “rượi buồn” thành các từ đồng nghĩa như “âu sầu”, “rầu rĩ” hay “buồn bã”, nó sẽ không lột tả rõ được tâm trạng, cảm xúc của tác giả khi nghĩ về người mẹ của mình. |

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:

**Câu 1:** Tìm từ đồng nghĩa cho từ in đậm trong câu sau: *“Học sinh phải có* ***nghĩa vụ*** *học tập.”*

A. trách nghiệm

B. nhiệm vụ

C. tinh thần

D. tác phong

**Câu 2:** [Dòng nào thể hiện đúng cách sử dụng từ đồng nghĩa?](https://doctailieu.com/trac-nghiem/dong-nao-the-hien-dung-cach-su-dung-tu-dong-nghia-d-can-nhac-de-chon-tu-dong-62139)

A. Chỉ có thể thay từ Hán Việt đồng nghĩa cho từ thuần Việt

B. Chỉ có thể thay từ thuần Việt đồng nghĩa cho từ Hán Việt

C. Có thể thay bất cứ từ đồng nghĩa nào cho nhau

D. Cân nhắc để chọn từ đồng nghĩa thể hiện đúng nghĩa và sắc thái biểu cảm

**Câu 3:** Nhóm các từ nào là từ đồng nghĩa chỉ hoạt động nhận thức của trí tuệ?

A. xét đoán, xét nghiệm, phán xét

B. đoán định, tiên đoán, độc đoán

C. thông minh, lanh lợi, giỏi giang

D. nghĩ ngợi, suy nghĩ, nghiền ngẫm

**Câu 4:** Điền các từ láy thích hợp vào chỗ trống:

*Mưa xuống..., giọt ngã, giọt bay, bụi nước tỏa trắng xóa. Trong nhà bỗng tối sầm, một mùi nồng ..., cái mùi xa lạ, man mác của những trận mưa mới đầu mùa. Mưa... trên sân gạch. Mưa ... trên phiến nứa, đập…vào lòng lá chuối.*

A. ngai ngái – rào rào – đồm độp – bùng bùng – sầm sập

B. sầm sập – ngai ngái – rào rào – đồm độp – bùng bùng

C. đồm độp – bùng bùng – ngai ngái – rào rào – sầm sập

D. rào rào – đồm độp – bùng bùng – sầm sập – ngai ngái

**Câu 5:** Từ nào có thể thay thế cho từ “**chết**” trong câu “Xe của tôi bị **chết** máy”?

A. Hỏng

B. Qua đời

C. Tiêu đời

D. Mất

**Câu 6:** Sắc thái nghĩa của từ “**trắng ngần**” trong câu “Hạt gạo **trắng ngần**” là gì?

A. Trách một cách nhợt nhạt

B. Trắng và mịn màng

C. Trắng, bóng, vẻ tinh khiết, sạch sẽ

D. Trắng đều khắp trên một diện rộng

**Câu 7:** Trong nhóm từ dưới đây, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại?

*“Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, non sông, nước non, non nước”*

A. Tổ tiên

B. Giang sơn

C. Non sông

D. Non nước

**Câu 8:** Từ nào dưới đây có thể thay thế từ ngữ được gạch chân trong câu văn sau:

“Mời bác **xơi** nước.”

A. thử

B. chén

C. uống

D. nếm

- HS thực hiện yêu cầu.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

Đáp án: 1.B 2. D 3. C 4. B 5. A 6.C 7.A 8.C

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Thực hành đọc hiểu: Đường về quê mẹ**

**(Đoàn Văn Cừ)**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS hiểu được những nét đặc sắc trong nghệ thuật miêu tả và các biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong bài thơ *Đường về quê mẹ*.

- Nắm được ý nghĩa bài thơ thông qua bức tranh thiên nhiên và vẻ đẹp tâm hồn của con người.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Giao tiếp và hợp tác trong làm việc nhóm và trình bày sản phẩm nhóm.

- Phát triển khả năng tự chủ, tự học qua việc đọc và hoàn thiện phiếu học tập ở nhà.

- Giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo trong việc chủ động tạo lập văn bản.

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản *Đường về quê mẹ.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn bản *Đường về quê mẹ.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu nội dung, nghệ thuật, ý nghĩa của văn bản.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp: tình yêu quê hương đất nước, tình cảm gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu trả lời câu hỏi

- Các phương tiện kỹ thuật, những hình ảnh liên quan đến chủ đề bài học *Đường về quê mẹ.*

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Chia sẻ những cảm xúc, suy nghĩ của em khi mỗi lần được về quê.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

- GV dẫn dắt vào bài học mới: *Quê hương luôn là điểm tựa của mỗi người con khi đi xa trở về hoặc mỗi lần nhớ đến đều chứa đựng cả một vùng kí ức đẹp đẽ, đầy êm đềm và thơ mộng. Đây cũng là một chủ đề sáng tác phổ biến đối với rất nhiều nhà thơ, và một trong số đó ta không thể không nhắc đến nhà thơ Đoàn Văn Cừ với vô vàn các tác phẩm thành công để đời. Bài học hôm nay chúng ta cùng tìm hiểu về một bài thơ của ông trong chủ đề này nhé!*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Đọc và tìm hiểu chung**

**a. Mục tiêu:** Nắm được những thông tin về tác giả, tác phẩm *Đường về quê mẹ*.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi về tác giả, tác phẩm *Đường về quê mẹ*

**c. Sản phẩm:** HS nêu được một số nét về tác giả Đoàn Văn Cừ và thông tin tác phẩm *Đường về quê mẹ*.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trình bày những hiểu biết về tác giả Đoàn Văn Cừ và tác phẩm *Đường về quê mẹ*.    - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV bổ sung:  + Ông được bạn đọc biết đến từ những bài thơ viết về hội hè, đình đám, chợ tết nông thôn đăng trên báo Ngày nay của nhóm Tự lực văn đoàn.  + Ông vốn là một giáo viên tiểu học, hay làm thơ và đã từng có tập thơ Thôn ca in từ năm 1939.  + Từ năm 1948 đến 1952, ông phục vụ trong quân đội nhân dân Việt Nam.  + Từ năm 1955, ông công tác ở Chi hội văn nghệ Liên khu II, sau đó công tác ở NXB Phổ thông. Đến tuổi nghỉ hưu ông về lại quê hương xã Trực Nội, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định vui với thú điền viên xưa cũ.  + Ông viết không nhiều. Sau tập Thôn ca I (1939) ông có tập Thôn ca II (1960), NXB Văn học ấn hành. Năm 1979, Hội văn học nghệ thuật tỉnh Hà Nam Ninh cho in tập Dọc đường xuân tập hợp một số bài thơ của ông.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đọc bài thơ diễn cảm, ngắt nhịp 4/3.  - GV đặt tiếp câu hỏi:  *+ Xác định thể thơ, vần và nhịp của bài thơ.*  *+ Chỉ ra bố cục từng phần của bài thơ.*  *+ Bài thơ là lời của ai? Nhan đề bài thơ được tác giả đặt theo cách nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - -HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **I. Tìm hiểu chung**  **1. Tác giả (1913 – 2004)**  - Quê: thôn Đô Đò, xã Nam Lợi, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định  - Gia đình: sinh ra trong một gia đình nông dân.  - Ông còn có các bút danh khác là Kẻ Sĩ, Cư sĩ Nam Hà, Cư sĩ Sông Ngọc và ngoài thơ ông cũng sáng tác văn xuôi.  **2. Tác phẩm**  - Xuất xứ: Thơ Mới 1932 – 1945: Tác giả và tác phẩm, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 2001.  **3. Đọc văn bản**  - Thể loại: thơ bảy chữ.  - Vần được gieo theo vần chân (ngần – thân, đê – bề, vàng – bàng, đầu – nâu, đồng – hồng, quen – quên).  - Nhịp thơ linh hoạt: 4/3, 3/2/2, 2/2/3.  - Bố cục bài thơ: 6 khổ thơ  + Khổ 1: không gian và thời gian khi “tôi” về quê.  + Khổ 2, 4: bức tranh thiên nhiên và con người nơi làng quê.  + Khổ 3, 5: hình ảnh người mẹ trên con đường về quê.  + Khổ 6: những tâm tư, tình cảm của tác giả về nơi cội nguồn.  - Bài thơ là lời của người con – nhân vật “tôi”.  - Nhan đề bài thơ được đặt theo một hình ảnh khơi nguồn cảm xúc trong tác giả, miêu tả khung cảnh đồng quê trên đường đi của mấy mẹ đã hiện lên những kí ức đẹp về thiên nhiên và con người quê ngoại. |

**Hoạt động 2: Tổ chức đọc hiểu văn bản**

**a. Mục tiêu:** Nắm được nội dung và nghệ thuật văn bản.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc khổ thơ đầu và đặt câu hỏi:  *+ Nhân vật “tôi” về quê mẹ vào thời điểm nào? Không gian khi mẹ đưa nhân vật “tôi” về quê có gì đặc biệt?*  *+ Nhận xét về cách xưng hô “u”, cách gọi “hai thân” của tác giả.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, quan sát khổ 2, 4 và trả lời câu hỏi sau:  *+ Liệt kê các hình ảnh, chi tiết về thiên nhiên và con người.*  *+ Nhận xét về màu sắc, đường nét của bức tranh thiên và vẻ đẹp tâm hồn con người được thể hiện trong tác phẩm.*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, chốt kiến thức.  - GV bổ sung: Bài thơ còn là sự nhớ nhung, biết ơn của nhà thơ với quá khứ.  **NV3:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tiếp tục cho HS thảo luận và trả lời câu hỏi:  *+ Tác giả đã khắc họa hình ảnh về người mẹ trên con đường về quê qua những chi tiết nào?*  *+ Em hiểu nghĩa của từ ngữ “mang đi” trong dòng 20 là gì?*  *+ Em có nhận xét gì về tình cảm của tác giả dành cho mẹ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức: Qua những chi tiết đó, bài thơ đã thể hiện được tình cảm yêu mến, niềm tự hào của con về vẻ xinh đẹp, nết na của mẹ.  **NV4:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS trả lời:  *+ Ở khổ thơ cuối, lời khen của những người cùng quê dành cho mẹ như thế nào?*  *+ Bài thơ đã diễn tả được tâm trạng và tình cảm gì của nhà thơ?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức.  **NV5:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV đặt câu hỏi:  *+ Bài thơ có ý nghĩa gì? Nêu những đặc sắc nghệ thuật của văn bản?*  *+ Bài thơ đã để lại cho em những ấn tượng gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức. | **II. Tìm hiểu chi tiết**  **1. Không gian và thời gian khi “tôi” về quê**  ***a. Thời gian***  - “Tôi” về quê mẹ khi đã lớn.  - Thường về vào “mỗi mùa xuân” gặp mặt, thăm hỏi họ hàng bên quê ngoại.  → Tác giả mở đầu bằng hồi ức của đứa con vẫn giữ lại trong trí tưởng hình ảnh lúc bé theo mẹ về thăm quê ngoại.  ***b. Không gian***  - “Dặm liễu mây bay sắc trắng ngần”: vừa miêu tả khung cảnh thiên nhiên, vừa thể hiện cách điệu sắc đẹp ngoại hình của mẹ: nhẹ nhàng, tinh tế, thướt tha, đầy uyển chuyển...  - “U” - là cách gọi mẹ của dân mấy huyện xung quanh thành Nam.  - “Hai thân” - là cách gọi bố mẹ thể hiện sự kính trọng.  → Gần gũi, đầy văn hóa.  **2. Bức tranh thiên nhiên và con người nơi làng quê.**  - Hình ảnh quen thuộc trên con đường mẹ dẫn “tôi” về quê:  + *những rặng đề, những dòng sông trắng lượn ven đê, cồn xanh* (mà lá rau cải,…), *bãi tía* (tím nhạt – cà tìm, khoai tía,...).  + Người làm đất trồng cây: *người xới cà, ngô rộn bốn bề.*  - Cuộc sống nơi thôn quê:  + Thời gian mẹ về quê vào buổi chiều nên gặp cảnh nhiều nông dân bới khoai gánh về thôn ấp *“đoàn người về ấp gánh khoai làng”*.  + Khung cảnh chiều quê: *đường xa nắng nhạt vàng, trời xanh, cò trắng bay từng lớp, xóm chợ lều phơi xác lá bàng* (những chiếc lều xiêu vẹo ngập xác lá bàng).  → Hình ảnh quen thuộc của làng quê Việt Nam. Cảnh vật vừa sinh động, tràn đầy sức sống, hiện lên như một bức tranh thôn quê với những màu sắc và đường nét được phối hài hòa.  => Thiên nhiên và con người hiện lên đầy vẻ mộc mạc, giản dị đến lạ nhưng cũng đầy thân thương, yên bình của một làng quê, mà khiến cho ai đi đâu cũng nhớ về.  **3. Hình ảnh người mẹ trên con đường về thăm quê**  - Thúng cắp bên hông, nón đội đầu:  + Thúng: vật dụng đừng đồ vật để buôn bán hay di chuyển, mang đi.  + Nón: dùng để che nắng, mưa.  - Khuyên vàng, yếm thắm, áo the nâu (trang phục của người con gái thời xưa).  - Ngoại hình: mắt sáng, môi hồng, má đỏ au.  → Dưới cái nhìn của “tôi”, hình ảnh người mẹ hiện là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, có cảm nhận mẹ mình như thời con gái.  - Khi về làng:  + Tà áo nâu in giữa cánh đồng, gió chiều cuốn bốc bụi sau lưng”: mẹ khép mình, như tránh những làn bụi hắt.  + “bóng người thôn nữ”: người con gái làng quê.  + “cúi nón” khiên che đi cặp má hồng.  → Hình ảnh người mẹ như e ấp, “tôi” cảm thấy mẹ mình như bao cô gái quê ở tuổi cập kê, khép nép, đầy dịu dàng.  **4. Những tâm tư, tình cảm của tác giả về nơi cội nguồn**  - Khen “u nết thảo hiền”, dẫu đã lấy chồng nhưng vẫn không quên đường về quê.  → Người mẹ hiện lên với nết “thảo hiền” dễ mến. Dù lấy chồng xa xứ nhưng mẹ vẫn không quên đường về quê mẹ, vẫn về thăm quê hương, tổ tiên, ông bà, cha mẹ, họ hàng.  - Bài thơ đã thể hiện tình cảm gắn bó của tác giả đối với quê hương. Đồng thời còn thể hiện tình cảm yêu mến, niềm tự hào của con về vẻ xinh đẹp, nết na của mẹ.  **III. Tổng kết**  **1. Nội dung – ý nghĩa**  - Văn bản nói về những dòng hoài niệm của người con về những lần cùng mẹ về quê ngoại. Trong kí ức đẹp đẽ ấy, cứ mỗi độ xuân về mẹ lại dẫn đàn con về quê của mẹ, diễn tả được tâm trạng vui mừng, háo hức của người con mỗi lần cùng mẹ về quê ngoại. Đồng thời còn thể hiện tình cảm yêu mến, niềm tự hào của con về người mẹ.  **2. Nghệ thuật**  - Thể thơ bảy chữ cùng lời thơ giản dị, mộc mạc.  - Nhịp thơ linh hoạt.  - Lối miêu tả chân thực, gần gũi, đầy sinh động. |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Có ý kiến cho rằng: Nếu Anh Thơ thạo về cảnh quê, Bàng Bá Lân nghiêng về đời quê, Nguyễn Bính lại đậm hồn quê, thì Đoàn Văn Cừ giỏi về nếp quê. Bằng những hiểu biết của mình, anh/chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, viết bài.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

***\*Dự kiến sản phẩm:***

- Ý kiến này có thể được hiểu như sau: Nếu như Anh Thơ tập trung mô tả cảnh vật, Bàng Bá Lân tập trung vào con người, Nguyễn Bính tập trung vào tình cảm thì Đoàn Văn Cừ chú trọng vào nếp sống, phong tục tập quán của người dân. Các tác phẩm của Đoàn Văn Cừ thường có sự gắn kết mật thiết giữa con người và lối sống với tình cảm gia đình, tập quán và truyền thống của người dân. Những giá trị văn hóa, nếp sống đặc trưng của đồng bào quê hương thường được tái hiện trong những bài thơ của ông, tạo nên một phong cách đặc biệt và sâu sắc.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi.

**c. Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *Một trong những nét đặc sắc của thơ Đoàn Văn Cừ là tả cảnh đầy màu sắc. Anh/Chị hãy sưu tầm thêm một số bài thơ khác của ông có nét đặc sắc ấy.*

- GV hướng dẫn HS cách trả lời. HS thực hiện nhiệm vụ.

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

\*Một số bài thơ: Chợ Tết, Tết quê bà, Trăng hè,...

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Phiếu học tập  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Viết**

**Viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS viết được đoạn văn có cấu tạo 3 phần: mở đoạn, thân đoạn và kết đoạn, số lượng câu đúng quy định.

- Nêu được ấn tượng, cảm xúc, suy nghĩ về một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

- Năng lực tiếp thu tri thức, kĩ năng viết đoạn văn.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS: *Ở chương trình học lớp 7, các em đã làm quen với cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ bốn chữ, năm chữ. Hãy nhắc lại kiến thức về những điểm cần lưu ý về hình thức và nội dung khi viết.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Trong chương trình Ngữ văn lớp 7, em đã được tìm hiểu và thực hành cách viết đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ. Trong phần Viết của bài học này, em sẽ tiếp tục được học cách viết một đoạn văn như thế.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc đoạn văn (trang 50/SGK) và thực hiện trả lời các yêu cầu trong bài:  *+ Nhà văn Nguyên Hồng ấn tượng với những hình ảnh, chi tiết nào trong bài thơ Qua Đèo Ngang của Bà Huyện Thanh Quan?*  *+ Hãy chỉ ra các từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc, sự liên tưởng và tưởng tượng mà bài thơ gợi ra cho người viết.*  - GV tiếp tục đặt câu hỏi: *Một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ cần có những yêu cầu gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe câu hỏi và trả lời.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp lắng nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1.Tìm hiểu chung**  ***a. Phân tích ví dụ***  - Nhà văn Nguyên Hồng ấn tượng với những hình ảnh, chi tiết:  + Thuộc lòng, xúc động và nhớ mãi những câu thơ trong bài Qua Đèo Ngang.  + Đèo Ngang vào buổi chiều tà.  + Với cảnh cây cỏ và núi non thấy được sự heo hút của những câu thơ trên kia.  + Cứ nghe thấy những tiếng đanh đanh khắc khoải “cuốc cuốc” vang lên,…  - Các từ ngữ, câu văn thể hiện cảm xúc, sự liên tưởng và tưởng tượng mà bài thơ gợi ra cho người viết:  + …tôi thuộc lòng, xúc động và nhớ mãi những câu thơ….  + Trong trí tưởng tượng, Bà Huyện Thanh Quan đã đưa tôi đến Đèo Ngang đúng vào buổi chiều tà.  + Tuổi lên bảy, lên tám của tôi khi ấy lại còn được những rung động này nữa:…  + Không ai bày cách cho tôi cảm xúc, nhưng tôi cứ nghe thấy những tiếng đanh đanh khắc khoải “cuốc cuốc” vang lên,…  ***b. Yêu cầu đối với đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ***  - Xác định được các yếu tố nội dung, nghệ thuật đặc sắc trong bài thơ gây ấn tượng và gợi cảm xúc, suy nghĩ cho em.  - Nêu rõ các ý: Em có cảm xúc, suy nghĩ về điều gì trong bài thơ? Đó là cảm xúc, suy gì? Vì sao em lại có cảm xúc, suy nghĩ đó?  - Lựa chọn đưa vào đoạn văn một số dòng thơ mà em ấn tượng để làm rõ cảm nghĩ của bản thân. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc lại bài thơ “Nắng mới” của tác giả Lưu Trọng Lư.  - GV yêu cầu HS đọc kĩ 4 bước trong SGk đã hướng dẫn.  - GV hướng dẫn HS thực hiện theo yêu cầu từng bước:  + Chuẩn bị  + Tìm ý và lập dàn ý: GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi theo SGK.   |  |  | | --- | --- | | Em thích nhất dòng, khổ, đoạn thơ nào hay cả bài thơ? | ………………………… | | Dòng, khổ, đoạn thơ hay bài thơ đó có gì đặc sắc về nội dung hoặc nghệ thuật? | ………………………… | | Yếu tố nội dung hoặc nghệ thuật ấy gợi cho em những cảm xúc, suy nghĩ, liên tưởng, suy nghĩ gì? | ………………………… |   - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2.1. Thực hành**  ***Bài tập:*** Hãy viết đoạn văn bộc lộ cảm nghĩ của em sau khi đọc bài thơ “Nắng mới” của Lưu Trọng Lư.  - Chuẩn bị:  + Xem lại nội dung đọc hiểu bài thơ Nắng mới của Lưu Trọng Lư.  + Xác định những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của bài thơ.  - Tìm ý và lập dàn ý:  + Tìm ý bằng cách đặt ra và trả lời các câu hỏi  + Lập dàn ý bằng cách dựa vào các ý đã tìm được, sắp xếp lại theo các ý chính của đoạn văn. |

**Hoạt động 3: Viết bài, kiểm tra và chỉnh sửa**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách viết một đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS thực hành viết đoạn văn.  - Sau khi viết xong, GV hướng dẫn HS đổi bài cho nhau theo cặp đôi để chấm và nhận xét theo mẫu phiếu GV phát sẵn (Hồ sơ dạy học).  - GV nhận xét, tổng kết tiết học.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận  - GV gọi HS nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | - Viết bài.  - Chỉnh sửa bài viết. |

**Hoạt động 4: Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm**

**a. Mục tiêu:** Nắm được các kĩ năng để viếtmột đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ sáu chữ, bảy chữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc nội dung, quan sát sơ đồ (trang 52/SGK) và trả lời câu hỏi:    *Để viết đoạn văn ghi lại cảm nghĩ sau khi đọc một bài thơ, người viết có những cách viết nào?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS làm bài tập b (trang 52/SGK): *Trong hai đoạn văn sau, đoạn nào bộc lộ trực tiếp, đoạn nào bộc lộ gián tiếp cảm nghĩ về bài thơ Nắng mới của Lưu Trọng Lư?*      - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thiện phần bài tập.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2.2. Rèn luyện kĩ năng viết đoạn văn biểu cảm**  ***a. Cách thức***  - Bộc lộ trực tiếp cảm nghĩ về bài thơ qua việc lựa chọn sử dụng các từ ngữ biểu cảm, câu văn cảm thán, câu hỏi tu từ,…  - Bộc lộ gián tiếp cảm nghĩ về bài thơ bằng cách tưởng tượng, hình dung ra bức tranh thiên nhiên, con người trong tác phẩm, liên tưởng các chi tiết, hình ảnh,…trong bài thơ với những tác phẩm văn học khác hoặc với cuộc sống, kỉ niệm của bản thân.  ***b. Bài tập***  - Đoạn văn bộc lộ trực tiếp: *Năm nào, cuối xuân,…đồng nội.*  - Đoạn văn bộc lộ gián tiếp: *Trong cuốn phim quay chậm…người mẹ của mình.* |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *HS thực hành viết đoạn văn, bám sát dàn ý đã lập.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *HS rà soát, chỉnh sửa bài viết theo gợi ý*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

- Phiếu hướng dẫn chỉnh sửa bài viết.

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Tập làm thơ sáu chữ, bảy chữ**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS lựa chọn được đề tài phù hợp.

- HS vận dụng những kiến thức về thể thơ để làm một bài thơ sáu chữ, bảy chữ

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận, hoàn thành các bài tập.

- Năng lực tiếp thu tri thức về đặc điểm thể thơ sáu chữ, bảy chữ để hoàn thành yêu cầu bài tập.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, nghiêm túc, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV kiểm tra bài cũ, yêu cầu HS: *Em đã từng tự sáng tác câu thơ hai bài thơ ngắn nào chưa? Theo em, khó khăn khi viết thơ là gì?*

- HS nghe GV nêu yêu cầu, trình bày trước lớp.

- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới: *Ồ phần Đọc, em đã được làm quen với những bài thơ sáu chữ và bảy chữ, nhận biết những đặc điểm cơ bản của các thể thơ này. Hãy vận dụng những hiểu biết đó để tập làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ về một sự vật, cảnh sắc, câu chuyện,... khơi gợi trong em nhiều cảm hứng nhất.*

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được yêu cầu khi làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS: Đọc lại các văn bản thơ sáu chữ, bảy chữ đã học trong Bài 2.  - GV nêu yêu cầu: *Xem lại phần Tri thức ngữ văn và cho biết khi làm bài thơ sáu chữ, bảy chữ cần chú ý những gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS nghe câu hỏi và hoàn thành yêu cầu  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Yêu cầu đối với bài thơ sáu chữ, bảy chữ**  - Thơ sáu chữ:  + Số tiếng: mỗi dòng có sáu chữ.  + Nhịp thơ: 2/2/2, 2/4 hoặc 4/2, có khi ngắt nhịp 3/3.  - Thơ sáu chữ:  + Số tiếng: mỗi dòng có bảy chữ.  + Nhịp thơ: 4/3, 3/4.  - Gieo vần: thường gieo vần chân (được gieo ở cuối dòng thơ thứ nhất, thứ hai, thứ tư ở mỗi khổ), có thể gieo vần liên tiếp (vần được gieo liên tiếp ở các dòng thơ), hoặc vần cách (vần không được gieo liên tiếp mà thường cách ra một dòng thơ). |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Nắm rõ được yêu cầu khi làm một bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **NV1:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV tổ chức trò chơi “*Thả thơ*” cho HS và phổ biến hướng dẫn:  + Luật chơi: Mỗi đội cử 5 HS đại diện tham gia trò chơi. Mỗi bạn cầm 1 tờ giấy, ghi 1 từ có thể điền vào chỗ trống. Đội nào hoàn thành trước, đúng và lý giải hợp lý sẽ giành chiến thắng.  *?Lựa chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trông?*  1. *(gạch, ngõ, giếng)*  Mặt Trời lặn xuống bờ ao  Ngọn khói xanh lên lúng liếng  Vườn sau gió chẳng đuổi nhau  Lá vẫn bay vàng sân …  (Trần Đăng Khoa)  2. *(làng, về, người)*  *(gió, cũ, trắng)*  Khách xa gặp lúc mùa xuân chín  Lòng trí bâng khuâng sực nhớ …  - Chị ấy năm nay còn gánh thóc  Dọc bờ sông … nắng chang chang?  (Hàn Mặc Tử)  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS dán từ cần điền vào chỗ trống.  **Bước 3: Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - GV mời đại diện HS trình bày kết quả trước lớp, yêu cầu cả lớp nghe và nhận xét, góp ý, bổ sung.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét về thái độ học tập và sản phẩm học tập của HS.  - GV chốt kiến thức và kết luận đội thắng cuộc.  **NV2:**  **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS hoạt động cá nhân làm bài tập phần b (Trang 53/SGK): *Viết bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ theo đề tài tự chọn (về quê hương, gia đình, người thân, bạn bè, trường lớp,…)*  - GV hướng dẫn HS các bước để viết.  + Chuẩn bị.  + Viết bài thơ.  + Kiểm tra và chỉnh sửa.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS hoàn thiện phần bài tập.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | 1. Mặt Trời lặn xuống bờ ao  Ngọn khói xanh lên lúng liếng  Vườn sau gió chẳng đuổi nhau  Lá vẫn bay vàng sân giếng.  2. Khách xa gặp lúc mùa xuân chín,  Lòng trí bâng khuâng sức nhớ làng  - Chị ấy năm nay còn gánh thóc  Dọc bờ sông trắng nắng chang chang? |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** Sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *HS thực hành viết bài thơ sáu chữ hoặc bảy chữ với đề tài tự chọn.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

- GV yêu cầu HS: *HS rà soát, kiểm tra lại bài thơ.*

*Sưu tầm thêm các bài thơ hay 6 chữ, 7 chữ.*

- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Hình thức viết bài kiểm tra tại lớp | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung.  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**Nói và nghe**

**Thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Về mức độ/ yêu cầu cần đạt:**

- HS biết cách thảo luận về một vấn đề trong đời sống.

- Biết cách nói và nghe phù hợp: người nói thể hiện được khả năng trình diễn một bài tự thuật.

**2. Về năng lực**

***a. Năng lực chung***

- Năng lực giải quyết vấn đề, năng lực tự quản bản thân, năng lực giao tiếp, năng lực hợp tác...

***b. Năng lực đặc thù***

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến đề bài*.*

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân.

**3. Về phẩm chất**

- Giúp HS rèn luyện ý thức tự giác, tích cực trong học tập.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Chuẩn bị của giáo viên**

- Giáo án, tài liệu tham khảo, kế hoạch bài dạy

- Phiếu học tập

- Bảng giao nhiệm vụ cho HS hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho HS ở nhà

**2. Chuẩn bị của học sinh**

- SGK, SBT Ngữ văn 8, soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

**a. Mục tiêu:** Tạo tâm thế, tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

**b. Nội dung:** GV đặt cho HS trả lời những câu hỏi mang tính gợi mở vấn đề.

**c. Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV đặt câu hỏi gợi dẫn, yêu cầu HS:* Theo em, chúng ta có cần thiết thảo luận khi giải quyết một vấn đề trong đời sống hay không? Vì sao?

*- HS tiếp nhận nhiệm vụ, chia sẻ.*

*- Từ chia sẻ của HS, GV dẫn dắt vào bài học mới:* Bài học ngày hôm nay chúng ta sẽ cùng thực hành thảo luận về một vấn đề trong đời sống, tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến kết quả của một sự việc đó.

**B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**

**Hoạt động 1: Định hướng**

**a. Mục tiêu:** Nhận biết được các yêu cầu, mục đích của bài.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc mục Định hướng (trang 54/SGK) và hướng dẫn tìm hiểu nội dung sau:  *+ Thế nào là thảo luận về một vấn đề trong đời sống?*  *+ Để thảo luận về một vấn đề trong đời sống, chúng ta cần chú ý những gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận, trả lời câu hỏi.  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **1. Tìm hiểu chung**  ***a. Định nghĩa***  - Thảo luận về một vấn đề trong đời sống là đưa ra ý kiến của cá nhân và trao đổi, bàn bạc, lắng nghe ý kiến của mọi người cùng tham gia để có hiểu biết đúng, đầy đủ, toàn diện hơn và lựa chọn được cách thức giải quyết vấn đề một cách phù hợp.  ***b. Những chú ý khi tham gia thảo luận ý kiến về một vấn đề trong đời sống***  - Quan tâm, theo dõi các sự kiện, hiện tượng,…trong cuộc sống xung quanh hoặc suy nghĩ từ các văn bản đọc hiểu để phát hiện vấn đề có ý nghĩa.  - Lựa chọn một vấn đề cần thảo luận. Tìm hiểu các thông tin về vấn đề và suy nghĩ, xác định ý kiến của em về vấn đề đó.  - Thảo luận trong nhóm về vấn đề đã lựa chọn.  - Khi thảo luận, cần nêu rõ cách hiểu hoặc quan điểm của bản thân về vấn đề, đồng thời, tôn trọng các ý kiến khác. |

**Hoạt động 2: Thực hành**

**a. Mục tiêu:** Biết được các kĩ năng khi trình bày bài nói.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài và chia lớp thành các nhóm:  *+ Nhóm 1,2: Thảo luận vấn đề: Gia đình có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?*  *+ Nhóm 3,4: Thảo luận vấn đề: Tình cảm quê hương quan trọng với mỗi người như thế nào?*  *+ Nhóm 5, 6: Thảo luận vấn đề: Trình bày suy nghĩ của em về cách ứng xử với những số phận thiếu may mắn trong cuộc sống.*  - GV yêu cầu HS tiến hành chuẩn bị, tìm ý và lập dàn ý theo các bước hướng dẫn trong SGK.  a. Chuẩn bị  - GV yêu cầu HS làm việc cá nhân trong các nhóm, thu thập thông tin và xác định nguyên nhân dẫn đến kết quả sự việc.  - Lựa chọn phương tiện hỗ trợ trao đổi, thảo luận (nếu cần) như: giấy, máy tính, tranh ảnh, sơ đồ,...  - GV hướng dẫn HS xem lại các yêu cầu nói và nghe trong thảo luận nhóm.  b. Tìm ý và lập dàn ý  - GV hướng dẫn HS tìm ý bằng cách đặt và trả lời câu hỏi.  - GV yêu cầu các nhóm thảo luận theo ***Kĩ thuật dạy học khăn trải bàn.***    - GV yêu cầu HS lập dàn ý bằng cách dựa vào những ý đã tìm được, sắp xếp theo ba phần của bài viết.  - GV cho các nhóm bổ sung, sửa chữa dàn ý cho nhau.  - Sau 15 phút chuẩn bị, GV yêu cầu HS trình bày theo trình tự:  - Mở đầu: Nhóm trưởng giới thiệu, nêu vấn đề và ý kiến chung về vấn đề thảo luận.  - Một bạn trình bày nêu và làm rõ ý kiến về vấn đề đó.  - Thảo luận trong nhóm:  + Dựa vào dàn ý đã lập được, lần lượt từng thành viên trong nhóm nêu ra các ý kiến của mình  + Các thành viên trong nhóm có thể bày tỏ sự đồng tình hoặc phản đối với ý kiến mà thành viên khác nêu ra. Có thái độ phù hợp khi bày tỏ quan điểm.  - Kết thúc: Nhóm trưởng chốt lại, khẳng định lại ý kiến.  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | **2. Thực hành**  ***Bài tập:*** Chọn một trong các vấn đề sau đây:  (1) *Gia đình có vai trò như thế nào trong cuộc sống của mỗi chúng ta?*  (2) *Tình cảm quê hương quan trọng với mỗi người như thế nào?*  (3) *Trình bày suy nghĩ của em về cách ứng xử với những số phận thiếu may mắn trong cuộc sống.*  ***a. Chuẩn bị***  ***b. Tìm ý và lập dàn ý***  - Bổ sung và sửa dàn ý đã lập.  ***c. Nói và nghe*** |

**Hoạt động 3: Trao đổi về bài nói**

**a. Mục tiêu:** Nắm được cách đánh giá bài nói/trình bày

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, chắt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm:** HS tiếp thu kiến thức và câu trả lời của HS**.**

**d. Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **DỰ KIẾN SẢN PHẨM** |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ**  - GV hướng dẫn HS đánh giá bài nói/ phần trình bày của bạn theo hướng dẫn trong SGK.  - GV đặt thêm câu hỏi, HS suy nghĩ trả lời:  - Người nói:  *+ Trong bài trình bày của nhóm mình, em hài lòng về những điểm nào (nội dung, hình thức, thái độ)?*  *+ Điểm em muốn thay đổi trong bài trình bày đó là gì?*  - Người nghe:  *+ Em thấy bài trình bày của nhóm bạn có thuyết phục không? Vì sao?*  *+ Điều em rút ra được bài trình bày của nhóm bạn là gì?*  - HS tiếp nhận nhiệm vụ.  **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ**  - HS thảo luận và trả lời từng câu hỏi  **Bước 3:** **Trao đổi thảo luận, báo cáo sản phẩm**  - HS trình bày sản phẩm thảo luận.  - GV gọi HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.  **Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện**  - GV nhận xét, đánh giá, bổ sung, chốt lại kiến thức. | ***d. Kiểm tra và chỉnh sửa*** |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP**

**a. Mục tiêu:** Củng cố lại kiến thức đã học.

**b. Nội dung:** HS sử dụng SGK, kiến thức đã học để hoàn thành bài tập.

**c. Sản phẩm:** Kết quả của HS.

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* HS thực hành nói lại, dựa trên những góp ý và đánh giá của giáo viên và các bạn.

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG**

**a. Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức đã học để giải bài tập, củng cố kiến thức.

**b. Nội dung:** Sử dụng kiến thức đã học để hỏi và trả lời, trao đổi

**c. Sản phẩm học tập:** Câu trả lời của HS

**d. Tổ chức thực hiện:**

*- GV yêu cầu HS:* đọc văn bản phần và trả lời các câu hỏi, làm bài tập phần Tự đánh giá: Quê người (SGK – trang 56, 57)

*- HS thực hiện nhiệm vụ.*

*- GV nhận xét, đánh giá, chuẩn kiến thức.*

***\*Dự kiến sản phẩm:***

**Câu 1:** Đáp án C.

**Câu 2:** Đáp án A.

**Câu 3:** Đáp án A.

**Câu 4:** Đáp án D.

**Câu 5:** Đáp án B.

**Câu 6:** Bài thơ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả khi xa xứ, ở nơi đất khách quê người nhớ về quê hương của mình.

**Câu 7:** Trong khung cảnh thiên nhiên hữu tình, tác giả thể hiện nỗi nhớ tha thiết, dạt dào tình cảm của mình đối với quê hương. Thông qua các chi tiết “nhìn mây trắng”, “nhìn nắng hanh vàng”, “ngó xuống mũi giày, rồi thốt lên “đành vậy”, ta thấy được ông đã ý thức được mình đang ở nơi đất khách quê người, mượn khung cảnh nơi đây cho khuây nỗi nhớ quê nhà.

**Câu 8:** Trong hai khổ thơ đầu, tác giả chìm đắm trong nỗi nhớ, cứ ngỡ cảnh vật nơi đây là lúc tác giả ở quê thì đối lập với nó là khổ thơ cuối cùng, ta thấy được ông đã ý thức được mình đang ở chốn “quê người” với nhiều điều xa lạ. Nhưng cũng chính vì vậy mà nỗi nhớ quê hương của ông càng được khắc họa, bộc lộ rõ nét hơn. Dù có đi nơi xa thì những điều gắn bó, quen thuộc vẫn mãi đọng lại trong tiềm thức của ta. Điều đó giúp cho người đọc đồng cảm với tâm trạng của tác giả khi ở nơi xa, đồng thời bộc lộ được tình cảm thương yêu, nhớ da diết tới quê hương.

**Câu 9:** Ví dụ: Em thích nhất hình ảnh miêu tả khung cảnh thiên nhiên nơi “đất khách” nhưng lại khiến tác giả ngỡ là của quê hương mình. Bởi mặc dù ông đang ngắm, chìm đắm trong cảnh vật đẹp đẽ ấy, thì điều thôi thúc ông, không ngừng làm ông nhớ đến, đó vẫn là quê hương mình.

**Câu 10:**

**Đoạn văn tham khảo:**

Bài thơ “Quê người” của tác giả Vũ Quần Phương đã giúp em hiểu thêm phần nào về tâm tư, tình cảm của những người con xa xứ khi nhớ về quê hương của mình. Quê hương trong nỗi nhớ của họ thật sâu sắc, thấm thía, ngọt ngào. Đó đơn giản chỉ là một áng mây, một vạt nắng, hay đỉnh đồi nhuộm sắc ánh vàng,… Quê hương góp phần tạo nên những tiên đề đầu tiên để ta vững bước vào đời. Bởi vậy khi đi xa, người ta thường hay nhớ về như là một điểm tựa tình thần giúp ta vượt qua nhiều gian nan, thử thách trên đường đời. Bài thơ trên đã góp phần đem tới cho người đọc những lắng đọng, trầm tư khi nhắc đến quê hương với nỗi nhớ dạt dào. Qua đây, ta thấy được nhà thơ đã thay mặt để gửi gắm hết tâm tư, tình cảm của mình, nói lên tiếng lòng đau đáu của những người ở nơi đất khách quê người.

**IV. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hình thức đánh giá** | **Phương pháp**  **đánh giá** | **Công cụ đánh giá** | **Ghi chú** |
| - Hình thức hỏi – đáp  - Thuyết trình sản phẩm. | - Phù hợp với mục tiêu, nội dung  - Hấp dẫn, sinh động  - Thu hút được sự tham gia tích cực của người học  - Sự đa dạng, đáp ứng các phong cách học khác nhau của người học | - Báo cáo thực hiện công việc.  - Hệ thống câu hỏi và bài tập  - Trao đổi, thảo luận |  |

**V. HỒ SƠ DẠY HỌC**

- Phiếu đánh giá học tập.